

Số: **38** /2019/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **30** tháng **12** năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước
trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước;

Căn cứ Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

Căn cứ Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước;

Căn cứ Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 167/2018/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 13/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt;

Căn cứ Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng;

Căn cứ Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác, nước dưới đất;

Căn cứ Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ;

Căn cứ Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 34/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân loại và yêu cầu trong thực hiện điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại 371/TTr-STNMT ngày 26/11/2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **10** tháng 01 năm 2020 và thay thế Quyết định số 09/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Bắc Kạn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Lưu VT, KTTCKT, NCPC (Hiên).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Ly Thái Hải

QUY ĐỊNH

Một số nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 38 /2019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định điều chỉnh một số nội dung cụ thể việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất, quản lý hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước thuộc phạm vi gia đình không phải xin phép nhưng phải đăng ký (gọi chung là hoạt động tài nguyên nước) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Những nội dung khác không nêu trong quy định được thực hiện theo Luật Tài nguyên nước năm 2012, các quy định của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường về lĩnh vực tài nguyên nước và các quy định khác có liên quan.

3. Nước khoáng, nước nóng thiên nhiên thực hiện theo quy định của Luật Khoáng sản.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành cấp tỉnh (sau đây gọi chung là cơ quan nhà nước cấp tỉnh), Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã) trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

2. Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước và ngoài nước (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân) có liên quan đến hoạt động tài nguyên nước (thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Điều tra cơ bản tài nguyên nước

1. Hoạt động điều tra cơ bản tài nguyên nước được thực hiện theo quy định tại Điều 12 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2. Trách nhiệm thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều 4. Giám sát khai thác, sử dụng nước

1. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có công trình khai thác tài nguyên nước có trách nhiệm đầu tư, lắp đặt các thiết bị đo đạc, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước tại công trình khai thác và kết nối, truyền trực tiếp, cập nhật số liệu từ công trình khai thác tài nguyên nước vào cơ sở dữ liệu của hệ thống giám sát chung tại địa phương. Quy mô, loại hình và công suất của các công trình khai thác tài nguyên nước được quy định cụ thể trong khoản 2 Điều 2 Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

2. Nguyên tắc giám sát; hình thức giám sát; hệ thống giám sát; yêu cầu đối với thiết bị thu nhận, lưu trữ dữ liệu và phần mềm quản lý, xử lý dữ liệu; yêu cầu đối với cơ sở dữ liệu giám sát; yêu cầu đối với thiết bị đo đạc, kết nối, truyền số liệu của cơ sở có công trình; giám sát hoạt động khai thác của các công trình được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 47/2017/TT-BTNMT ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước.

Điều 5. Công bố dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối và hồ chứa

1. Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường (qua Cục Quản lý tài nguyên nước) và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc xác định, phê duyệt và công bố dòng chảy tối thiểu trên sông, suối nội tỉnh và hạ lưu các hồ chứa trên địa bàn tỉnh.

2. Nguyên tắc xác định dòng chảy tối thiểu và việc xác định, công bố, duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa được quy định cụ thể tại Thông tư số 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

Điều 6. Lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước

Việc lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Điều 7. Trám lấp giếng

Tất cả các lỗ khoan, giếng thuộc diện phải trám lấp thực hiện theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

Điều 8. Bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác, nước dưới đất

1. Các tổ chức cá nhân có các hoạt động thăm dò, khai thác nước dưới đất, khoan khảo sát địa chất công trình, thăm dò địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, xử lý nền móng công trình, tháo khô mỏ và các hoạt động khoan, đào khác có liên quan đến nước dưới đất cần phải thực hiện bảo vệ nước dưới đất.

2. Yêu cầu chung về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khai thác, thiết kế, thi công, điều tra, thăm dò và khảo sát được quy định cụ thể tại Thông tư số 75/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về bảo vệ nước dưới đất trong các hoạt động khoan, đào, thăm dò, khai thác, nước dưới đất.

Điều 9. Hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước

1. Các tổ chức hành nghề trong lĩnh vực tài nguyên nước phải có đủ điều kiện về năng lực theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Điều 7 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

2. Các tổ chức, cá nhân hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh phải đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 4 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường; Khoản 1 Điều 7 Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường và có Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép. Quá trình hoạt động theo giấy phép phải thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

3. Trong quá trình thực hiện thi công khoan các công trình thăm dò, đánh giá trữ lượng, khai thác nước dưới đất, đơn vị thi công khoan phải lập sổ khoan và sổ theo dõi địa chất - địa chất thủy văn khi khoan theo quy định tại Thông tư

số 13/2014/TT-BTNMT ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước dưới đất.

Điều 10. Cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Các tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước dưới đất (chủ giấy phép) thuộc một trong các trường hợp được quy định cụ thể trong Điều 3 Nghị định số 82/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước phải nộp tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quy định của Nghị định số 82/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Thẩm định, cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực, thu hồi và cấp lại giấy phép tài nguyên nước

Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước, lấy ý kiến địa phương, cơ quan liên quan.

1. Các trường hợp phải thành lập hội đồng thẩm định trước khi cấp giấy phép:

Thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 1.000 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm; Khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 20.000 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 50.000 m³/ngày đêm; Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 1.000 kw đến công suất lắp máy nhỏ hơn 2.000 kw; Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 01 m³/giây đến lưu lượng nhỏ hơn 02 m³/giây; Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 1.000 m³/ngày đêm đến lưu lượng nhỏ hơn 3.000 m³/ngày đêm.

2. Các trường hợp phải lấy ý kiến địa phương, cơ quan liên quan:

Thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng từ 10 m³/ngày đêm đến nhỏ hơn 1.000 m³/ngày đêm; Khai thác, sử dụng nước mặt với lưu lượng từ 100 m³/ngày đêm đến nhỏ hơn 20.000 m³/ngày đêm; Khai thác, sử dụng nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 50 kw đến nhỏ hơn 1.000 kw; Khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³/giây đến nhỏ hơn 01 m³/giây; Xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng từ 5 m³/giây và không chứa hóa chất độc hại, chất phóng xạ đến nhỏ hơn 1.000 m³/ngày đêm.

3. Hội đồng thẩm định do Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập với ít nhất bảy (07) thành viên.

Cơ cấu hội đồng thẩm định gồm: Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo Sở Tài nguyên và Môi trường, một (01) Phó Chủ tịch hội đồng là lãnh đạo phòng chuyên môn, một (01) Ủy viên thư ký, hai (02) Ủy viên phản biện và một số Ủy

viên, trong đó có ít nhất ba mươi phần trăm (30%) số thành viên hội đồng có từ năm (05) năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài nguyên nước, môi trường.

4. Trường hợp công trình khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đã được cấp giấy phép trước đây có quy mô như quy định tại khoản 1 Điều này, nhưng tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép không đủ điều kiện để được gia hạn thì phải lập thủ tục cấp giấy phép mới và quy mô không tăng so với quy định của giấy phép đã được cấp thì phải lấy ý kiến của địa phương, không phải lập hội đồng thẩm định.

Điều 12. Nơi đăng ký khai thác nước dưới đất

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra, đăng ký, lưu trữ và quản lý hồ sơ đăng ký khai thác nước dưới đất đối với các trường hợp phải đăng ký khai thác nước dưới đất theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước. Trình tự, thủ tục thực hiện theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 6 Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện là cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất đối với khai thác, sử dụng nước quy mô nhỏ cho sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; phục vụ các hoạt động văn hóa, tôn giáo, nghiên cứu khoa học; phục vụ phòng cháy, chữa cháy, ứng phó khắc phục sự cố ô nhiễm, dịch bệnh và các trường hợp khẩn cấp khác theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan đăng ký khai thác nước dưới đất đối với khai thác, sử dụng nước cho sinh hoạt của hộ gia đình.

Điều 13. Ưu đãi đối với các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả

Các tổ chức, cá nhân sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ theo quy định của Nghị định số 54/2015/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ quy định về ưu đãi đối với hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

Chương III

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ TÀI NGUYÊN NƯỚC; QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN HOẠT ĐỘNG TÀI NGUYÊN NƯỚC

Điều 14. Trách nhiệm và quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện trách nhiệm về quản lý nhà nước về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật Tài nguyên nước năm 2012 và thực hiện các nhiệm vụ sau:

1. Lập và thực hiện kế hoạch điều tra cơ bản, điều hòa, phân phối tài nguyên nước, phục hồi nguồn nước bị ô nhiễm, cạn kiệt; giám sát các hoạt động khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên các lưu vực sông nội tỉnh.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện các hoạt động điều tra cơ bản, giám sát tài nguyên nước theo quy định; báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường kết quả điều tra cơ bản tài nguyên nước, tình hình quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn.

3. Tuyên truyền, hướng dẫn các quy định về hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước.

4. Chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và công bố vùng phải đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

5. Tổ chức điều tra, đánh giá, xác định vùng cấm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 71 Luật Tài nguyên nước năm 2012; Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, lập và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục, bản đồ vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; thực hiện việc công bố danh mục và bản đồ vùng hạn chế khai thác nước dưới đất theo quy định tại Nghị định 167/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ quy định việc hạn chế khai thác nước dưới đất.

6. Tổ chức xây dựng, quản lý hệ thống giám sát hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước đối với các lưu vực sông trong tỉnh.

7. Chủ trì cùng các Sở, ngành, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã trong việc xây dựng danh mục các nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, đồng thời có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

8. Tham gia ý kiến về hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị trên địa bàn tỉnh.

9. Xác định vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của các công trình khai thác nước trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sau khi công trình được cấp có thẩm quyền cấp giấy phép, khai thác sử dụng tài nguyên nước được quy định tại Thông tư số 24/2016/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2016 của

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc xác định và công bố vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt.

10. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương thông tin, tuyên truyền bảo vệ tài nguyên nước, xây dựng, đề xuất phương án và triển khai thực hiện các biện pháp nhằm bảo vệ nguồn nước, phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra.

11. Hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Dịch vụ hành chính công của tỉnh; thẩm định hồ sơ xin cấp, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ hiệu lực giấy phép tài nguyên nước, cho phép chuyển nhượng và trả lại giấy phép tài nguyên nước, phê duyệt, điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thẩm quyền. Thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước, lấy ý kiến địa phương, cơ quan liên quan theo quy định tại Điều 11 Quy định này.

12. Tổ chức kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các trường hợp vi phạm về hoạt động tài nguyên nước theo quy định của pháp luật.

13. Cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước và công tác quản lý, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh cho các cơ quan liên quan phục vụ quản lý, bảo vệ nguồn nước theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

14. Chủ trì tổ chức điều tra, đánh giá, xác định dòng chảy tối thiểu trên các sông, suối, lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các sở, ban, ngành có liên quan, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Thông tư 64/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về xác định dòng chảy tối thiểu trên sông, suối và hạ lưu các hồ chứa, đập dâng.

15. Chủ trì tổ chức điều tra, đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của các sông, hồ là nguồn nước nội tỉnh, lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành có liên quan gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường lấy ý kiến và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt theo quy định tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước sông, hồ.

16. Chủ trì, phối hợp phòng Tài nguyên và Môi trường cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức điều tra, thống kê, rà soát, phân loại và lập danh mục

giếng không sử dụng phải trám lấp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, tổ chức trám lấp đối với giếng không xác định được chủ giếng nằm trong danh mục phải trám lấp theo quy định tại Thông tư số 72/2017/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về việc xử lý, trám lấp giếng không sử dụng.

Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của các sở, ban, ngành cấp tỉnh

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Chủ trì, phối hợp cùng các cấp, các ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về quản lý, khai thác và bảo vệ các công trình thủy lợi theo quy định của Luật Thủy lợi;

b) Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng hợp lý nguồn nước để phục vụ hiệu quả cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi, sinh hoạt, có kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn và các loại rừng khác;

c) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện kế hoạch điều tiết nước hồ chứa thủy lợi, kế hoạch khai thác, sử dụng nước trên các lưu vực sông; điều hoà, phân phối nước của công trình thủy lợi trong trường hợp xảy ra hạn hán, ưu tiên nước cho sinh hoạt; chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thẩm định quy trình vận hành điều tiết các hồ chứa nước thủy lợi;

d) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch cấp nước tập trung nông thôn;

đ) Chủ trì, phối hợp với chủ đầu tư, các đơn vị tổ chức, cá nhân khai thác công trình thủy lợi có trách nhiệm cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi;

e) Phối hợp, cung cấp số liệu, dữ liệu về sử dụng nước trong nông nghiệp, công trình thủy lợi, hồ chứa thủy lợi, dự án có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, các công trình nước sạch nông thôn cho Sở Tài nguyên và Môi trường khi có văn bản đề nghị;

g) Chủ trì, khắc phục sự cố do nước gây ra: phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông; đề xuất các giải pháp ngăn ngừa, khắc phục theo quy định của Luật Thủy lợi.

2. Sở Xây dựng:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch cấp, thoát nước, thu gom nước thải sinh hoạt tại các khu đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư tập trung;

b) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra các hoạt động khoan khảo sát địa chất công trình, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng của

các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các hoạt động trong hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn.

3. Sở Công thương:

Chủ trì, phối hợp cùng với các cơ quan có liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch, kế hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên nước phục vụ thủy điện, sản xuất công nghiệp.

4. Sở Y tế:

a) Chủ trì, tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thông tin về chất lượng nguồn nước phục vụ ăn uống và sinh hoạt của người dân trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo, đôn đốc và giám sát các cơ sở y tế xây dựng các công trình xử lý nước thải và lập hồ sơ cấp Giấy phép xả nước thải theo quy định pháp luật.

5. Cục Thuế tỉnh:

a) Thông báo, hướng dẫn, đôn đốc các tổ chức, cá nhân kê khai, thực hiện việc nộp thuế tài nguyên nước, thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước theo quyết định phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh và theo quy định pháp luật về thuế tài nguyên và các quy định khác có liên quan;

b) Trả lời bằng văn bản về việc chấp hành nghĩa vụ thuế, tài chính với Nhà nước của các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước khi Sở Tài nguyên và Môi trường đề nghị xác nhận.

6. Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp cùng với các sở, ban, ngành có liên quan thẩm định các đề tài, dự án nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong lĩnh vực hoạt động về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh; xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức triển khai, chuyển giao ứng dụng kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án liên quan đến lĩnh vực tài nguyên nước vào sản xuất và đời sống.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

a) Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, các cơ quan liên quan khác tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành để đầu tư các công trình hoặc dự án có liên quan đến bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh;

b) Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thực hiện các dự án đầu tư về khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước phải có ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường về khai thác, sử dụng nước và xả nước thải vào nguồn nước khi chuẩn bị hồ sơ dự án trình để cấp chứng nhận đầu tư.

8. Sở Tài chính:

a) Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư và các cơ quan khác liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hiện hành để đầu tư các công trình hoạch dự án có liên quan đến bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn tỉnh;

b) Trên cơ sở các quy định pháp luật về phí, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định Đề án quy định hoặc sửa đổi, bổ sung các loại phí về tài nguyên nước do Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng, trước khi tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành;

c) Chủ trì, phối hợp với Cục Thuế tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc xây dựng giá tính thuế tài nguyên nước.

9. Công an tỉnh: Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị có liên quan trong công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trong hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

10. Sở Thông tin và Truyền thông: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đơn vị báo chí, truyền thông trên địa bàn tăng cường công tác tuyên truyền các văn bản, quy định của Trung ương và của tỉnh có liên quan đến hoạt động về tài nguyên nước để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện đúng theo quy định.

11. Các sở, ban, ngành khác có liên quan: Trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước có hiệu quả theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các quy định khác của pháp luật. Tham gia ý kiến bằng văn bản khi nhận được văn bản lấy kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường trong lĩnh vực tài nguyên nước.

12. Đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia bảo vệ tài nguyên nước; giám sát việc thực hiện pháp luật về tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Điều 16. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật. Chỉ đạo, điều hành các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban

nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện công tác quản lý tài nguyên nước. Xây dựng kế hoạch thực hiện quản lý tài nguyên nước hàng năm đảm bảo phát triển bền vững nguồn tài nguyên nước.

2. Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên nước theo quy định của pháp luật; phối hợp với cơ quan, tổ chức quản lý trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước, công trình thăm dò, khai thác nước, xả nước thải vào nguồn nước để bảo vệ các công trình theo quy định. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch, phương án và kinh phí cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước hàng năm trên địa bàn quản lý, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Tổ chức ứng phó, khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố ô nhiễm nguồn nước theo thẩm quyền.

4. Thu thập, lưu trữ dữ liệu về tài nguyên nước trên địa bàn theo quy định; cung cấp dữ liệu cho Sở Tài nguyên và Môi trường để tích hợp vào cơ sở dữ liệu tài nguyên nước của tỉnh.

5. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, thông tin về tài nguyên nước; xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên nước; hòa giải, giải quyết tranh chấp về tài nguyên nước theo thẩm quyền.

6. Tổ chức hướng dẫn đăng ký, tiếp nhận, kiểm tra việc thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký khai thác nước dưới đất theo phân cấp thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Quy định này; quản lý, lưu trữ hồ sơ đăng ký, lập sổ theo dõi, cập nhật số liệu đăng ký, tổng hợp kết quả đăng ký, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh qua Sở Tài nguyên và Môi trường.

7. Phối hợp thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ các quy định pháp luật của các tổ chức, cá nhân hoạt động tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Tham gia ý kiến bằng văn bản về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước, hành nghề khoan nước dưới đất đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp khi nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

9. Chủ trì giải quyết việc đề nghị cải tạo lòng, bờ, bãi sông trong trường hợp cá nhân, tổ chức tự bỏ kinh phí nhằm khắc phục sự cố do nước gây ra ảnh hưởng đến an toàn, đất canh tác của người dân trên địa bàn;

10. Định kỳ tổng hợp hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

11. Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước theo phân cấp hoặc uỷ quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 17. Trách nhiệm, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý tài nguyên nước tại địa phương theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện trong việc quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn theo quy định tại Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

3. Thực hiện thống kê, theo dõi, giám sát tình hình khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và hoạt động hành nghề khoan nước dưới đất của các tổ chức, cá nhân; tham gia công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả do nước gây ra trên địa bàn.

4. Niêm yết công khai danh mục giếng phải trám lấp; tiếp nhận thông báo trám lấp, kết quả trám lấp của chủ giếng và thông báo ý kiến của mình bằng văn bản (nếu có) tới chủ giếng; kiểm tra, giám sát việc thực hiện trình tự, thủ tục, yêu cầu kỹ thuật trong việc trám lấp của chủ giếng và tổ chức, cá nhân thi công trám lấp đối với các trường hợp phải xử lý, trám lấp giếng không sử dụng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Tổ chức hướng dẫn thủ tục và thực hiện đăng ký khai thác nước dưới đất đối với trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 12 Quy định này.

6. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và thông tin về tài nguyên nước; tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về lĩnh vực tài nguyên nước theo quy định pháp luật; phát hiện các trường hợp vi phạm hoạt động tài nguyên nước, xử lý theo thẩm quyền và kiến nghị cơ quan thẩm quyền xử lý theo quy định pháp luật.

7. Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện, tổ chức, cá nhân liên quan quản lý, bảo vệ trạm quan trắc, đo đạc, giám sát tài nguyên nước trên địa bàn.

8. Tham gia ý kiến bằng văn bản về việc cấp phép thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước và xả nước thải vào nguồn nước đối với các trường hợp do Ủy ban nhân dân tỉnh cấp khi nhận được văn bản lấy ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường.

9. Định kỳ hoặc theo yêu cầu đột xuất tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 10 tháng 01 hàng năm. Nội dung báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 71 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

Điều 18. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân hoạt động liên quan đến tài nguyên nước

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước được quy định tại Điều 43 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

2. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Điều 38 Luật Tài nguyên nước năm 2012.

3. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân là chủ giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất được quy định tại Điều 4 Thông tư số 40/2014/TT-BTNMT ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất.

4. Tổ chức quản lý vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi có trách nhiệm xây dựng phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ hồ chứa; chủ trì phối hợp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấm mốc giới trên thực địa theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ trước ngày 10 tháng 01 năm tiếp theo và đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, các tổ chức, cá nhân có hoạt động tài nguyên nước báo cáo tình hình khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước và hành nghề khoan nước dưới đất về Sở Tài nguyên và Môi trường. Số liệu chốt báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Mẫu báo cáo theo quy định tại Thông tư số 31/2018/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định nội dung, biểu mẫu báo cáo tài nguyên nước.

2. Định kỳ trước ngày 15 tháng 01 năm tiếp theo và đột xuất, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổng kết, báo cáo tình hình quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước, phòng chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra trên địa bàn quản lý về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, theo dõi và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trước ngày 30 tháng 01 hàng năm. Số liệu chốt báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Điều 20. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm hướng dẫn, phổ biến và tổ chức thực hiện Quy định này. Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan,

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo chức năng và nhiệm vụ của mình có trách nhiệm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Quy định này của các tổ chức, cá nhân liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện quy định, nếu có phát sinh vướng mắc, các sở, ban, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

